

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 21.12.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 5 - LE 5.17

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H52520850200000001	VU BINH MINH	女	2008-02-16	034308010926	LE 5.17	
2	H52520850200000002	VU THI THANH HOA	女	1996-07-28	036196018192	LE 5.17	
3	H52520850200000003	DUONG TAM HOANG	男	2004-12-25	036204005007	LE 5.17	
4	H52520850200000004	BUI THI THUY LINH	女	2002-12-10	036302008578	LE 5.17	
5	H52520850200000005	TRAN BUI MINH THU	女	2003-10-26	036303002506	LE 5.17	
6	H52520850200000006	TRAN KHANH NGOC	女	2009-09-01	036309013162	LE 5.17	
7	H52520850200000007	PHAM THI PHAN	女	1986-10-11	037186002949	LE 5.17	
8	H52520850200000008	NGUYEN THI ANH TUYET	女	2006-11-14	037306000217	LE 5.17	
9	H52520850200000009	VU HA ANH	女	2008-09-10	037308000284	LE 5.17	
10	H52520850200000010	NGUYEN THU THAO	女	1998-09-09	038198014026	LE 5.17	
11	H52520850200000011	DAO THI THANH HUYEN	女	1999-01-07	038199002745	LE 5.17	
12	H52520850200000012	LE HA KHANH LINH	女	2000-10-24	038300001604	LE 5.17	
13	H52520850200000013	LE THI THAO	女	2005-12-13	038305003329	LE 5.17	
14	H52520850200000014	HOANG THI THUONG	女	2005-10-04	038305023881	LE 5.17	
15	H52520850200000015	HOANG LINH	女	2006-09-22	038306023292	LE 5.17	
16	H52520850200000016	LE QUYNH TRANG	女	2008-02-09	038308023299	LE 5.17	
17	H52520850200000017	NGUYEN VAN KHANH	女	1997-11-02	040197023437	LE 5.17	
18	H52520850200000018	NGUYEN THI CUC	女	2002-09-08	040302007252	LE 5.17	
19	H52520850200000019	VO THI QUYNH ANH	女	2005-09-05	040305013855	LE 5.17	
20	H52520850200000020	BACH DINH THANG	男	2000-03-08	042200013520	LE 5.17	
21	H52520850200000021	LE THI HONG ANH	女	2001-03-24	042301005435	LE 5.17	
22	H52520850200000022	NGUYEN THI AN OANH	女	2001-09-05	042301008985	LE 5.17	
23	H52520850200000023	DANG THI THU THAO	女	1997-08-10	049197009958	LE 5.17	
24	H52520850200000024	NGUYEN THI THU THUY	女	1995-10-02	072195008262	LE 5.17	
25	H52520850200000025	PHAM TUYET NHI	女	2001-04-15	079301031878	LE 5.17	
26	H52520850200000026	LE THI NGOC DIEP	女	2008-09-23	094308010889	LE 5.17	
27	H52520850200000027	HOANG THI OANH	女	1994-06-12	E03046269	LE 5.17	

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 21.12.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 5 - LE 5.18

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H52520850200000028	PHAM VAN THANH	男	1985-08-12	022085000777	LE 5.18	
2	H52520850200000029	LE DUY DUNG	男	2004-03-26	022204000732	LE 5.18	
3	H52520850200000030	PHAM HONG TRANG	女	2000-07-08	022300000114	LE 5.18	
4	H52520850200000031	NGUYEN THI CHUNG THUY	女	2002-06-13	022302003047	LE 5.18	
5	H52520850200000032	BUI THUY VAN	女	2003-12-05	022303007289	LE 5.18	
6	H52520850200000033	DO NGOC MAI PHUONG	女	2008-03-12	022308010344	LE 5.18	
7	H52520850200000034	HOANG PHUONG NAM	男	2002-10-07	024202001179	LE 5.18	
8	H52520850200000035	LA VAN HAI	男	2004-02-12	024204003532	LE 5.18	
9	H52520850200000036	DUONG NGOC QUYNH	女	2002-11-23	024302002297	LE 5.18	
10	H52520850200000037	CAO TUE MAN	女	2005-03-23	024305004343	LE 5.18	
11	H52520850200000038	NGUYEN PHUONG THUY	女	2007-04-13	024307000302	LE 5.18	
12	H52520850200000039	DAO THI HONG HANH	女	2008-03-30	024308001756	LE 5.18	
13	H52520850200000040	DO THI THU THUY	女	2008-07-28	024308003312	LE 5.18	
14	H52520850200000041	NGUYEN PHAM BAO ANH	女	2008-10-04	024308005336	LE 5.18	
15	H52520850200000042	NGUYEN LINH GIANG	女	2008-06-17	024308009046	LE 5.18	
16	H52520850200000043	NGUYEN TIEN DUNG	男	1989-08-19	025089010619	LE 5.18	
17	H52520850200000044	NGUYEN THI MINH THU	女	1994-03-30	026194008016	LE 5.18	
18	H52520850200000045	VU CHAU BANG	女	2003-01-30	026303002793	LE 5.18	
19	H52520850200000046	DO NGOC CHI	女	2008-06-05	026308000913	LE 5.18	
20	H52520850200000047	BUI THI OANH	女	2008-10-25	026308005903	LE 5.18	
21	H52520850200000048	NGUYEN HOAI ANH	女	2008-10-29	027308007922	LE 5.18	
22	H52520850200000049	DO HA THUY	女	2003-08-08	030303004244	LE 5.18	
23	H52520850200000050	PHAM MANH TRUONG	男	1993-06-01	031093003210	LE 5.18	
24	H52520850200000051	DINH KHANH VAN	女	1999-07-15	031199009436	LE 5.18	
25	H52520850200000052	DOAN PHUONG LINH	女	2008-07-28	031308004858	LE 5.18	
26	H52520850200000053	HOANG THU THAO	女	1996-09-13	033196000206	LE 5.18	
27	H52520850200000054	NGUYEN HOANG MINH	男	2009-09-22	033209005371	LE 5.18	
28	H52520850200000055	NGUYEN THI THUY NGA	女	2003-11-02	034303007564	LE 5.18	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H52520850200000056	NGUYEN VIET BAO TRUNG	男	2008-11-17	001208015520	LE 5.21	
2	H52520850200000057	LE MINH THUY	女	2001-10-16	001301028048	LE 5.21	
3	H52520850200000058	HOANG THI HANH	女	2002-09-01	001302012631	LE 5.21	
4	H52520850200000059	HOANG MAI PHUONG	女	2003-03-13	001303003327	LE 5.21	
5	H52520850200000060	TRAN THI PHUONG	女	2004-10-12	001304033546	LE 5.21	
6	H52520850200000061	NGUYEN THI HONG NHUNG	女	2005-03-30	001305046271	LE 5.21	
7	H52520850200000062	BUI THUY CHI	女	2007-04-03	001307015813	LE 5.21	
8	H52520850200000063	LY THI VAN ANH	女	2008-01-02	001308044063	LE 5.21	
9	H52520850200000064	VUONG THI VAN ANH	女	2008-02-24	001308045822	LE 5.21	
10	H52520850200000065	LE HOAI THU	女	2008-07-10	002308004350	LE 5.21	
11	H52520850200000066	TRAN THI DIEU THUY	女	2000-04-02	008300006865	LE 5.21	
12	H52520850200000067	LA THI KIEN	女	2003-08-15	010303001686	LE 5.21	
13	H52520850200000068	NGUYEN THU HIEN	女	2004-12-03	010304007009	LE 5.21	
14	H52520850200000069	GOANG SIN CHOANG	女	2005-02-09	010305000681	LE 5.21	
15	H52520850200000070	LUU THI MINH NGOC	女	2008-10-01	010308001265	LE 5.21	
16	H52520850200000071	TRAN HUYEN TRANG	女	2008-02-01	015308004849	LE 5.21	
17	H52520850200000072	TRAN NHAT ANH	女	2008-07-30	015308009192	LE 5.21	
18	H52520850200000073	NGUYEN THU TRANG	女	2008-02-04	015308009520	LE 5.21	
19	H52520850200000074	TRAN XUAN DUNG	男	1990-01-26	019090008444	LE 5.21	
20	H52520850200000075	LUONG NGOC BAO MINH	女	2000-10-13	019300008039	LE 5.21	
21	H52520850200000076	DUONG THI CHUC	女	2003-11-30	019303008145	LE 5.21	
22	H52520850200000077	QUACH HUONG THAO	女	2004-06-06	019304004742	LE 5.21	
23	H52520850200000078	NGUYEN THI QUYEN	女	2008-07-07	019308001323	LE 5.21	
24	H52520850200000079	BUI THI THU TRAM	女	1994-01-04	020194006434	LE 5.21	
25	H52520850200000080	LANG PHUONG LAN	女	2003-01-19	020303002553	LE 5.21	
26	H52520850200000081	LY KIM CHI	女	2003-01-11	020303006650	LE 5.21	
27	H52520850200000082	LUONG HOANG TRINH ANH	女	2008-03-18	020308003832	LE 5.21	
28	H52520850200000083	CHU NGOC HAN	女	2008-06-08	020308006598	LE 5.21	